



# Bão, lụt ở Nghệ An thời Nguyễn từ năm 1802 đến năm 1884

□ MAI THỊ HUYỀN\*

Hiện đã có những nghiên cứu về lũ lụt ở miền Trung trong hai thế kỷ XIX-XX, số lần cơn bão, lũ xuất hiện và những tác hại về người và của ở vùng này. Các nghiên cứu cũng cho biết do vị trí địa lý và địa hình đã khiến Nghệ An xuất hiện nhiều bão, lũ hơn các vùng khác trong cả nước. Tuy nhiên, các nghiên cứu chỉ tập trung làm rõ tình hình bão lũ, mà chưa phân tích về biện pháp khắc phục của nhà nước quân chủ. Do vậy, bài viết này tập trung làm rõ thực trạng bão, lụt ở Nghệ An và những biện pháp khắc phục của triều đình nhà Nguyễn trong khoảng thời gian từ năm 1802 đến năm 1884.

## 1. Vài nét về điều kiện tự nhiên Nghệ An

Điều kiện tự nhiên ở Nghệ An bao gồm yếu tố sông ngòi, đồng bằng và khí hậu. Chúng có ảnh hưởng không nhỏ đến hiện tượng bão, mưa, lụt ở vùng này.

Về sông ngòi, Nghệ An có sông Lam (còn gọi là sông Cả), là con sông lớn của miền Trung. Viết về sông Lam, sách *Đại Nam nhất thống chí* chép: “*Tỉnh Nghệ An có sông Lam Giang, tục gọi là sông Cả, [...] nguồn thứ hai*

*của sông La Hà ở ngọn Cốt Đột núi Khai Trương, chảy về phía Đông làm sông Ngàn Phố, đến xã Đỗ Xá hợp với sông La, chảy về phía Đông đến xã Bùi Xá, chia một nhánh vào sông Minh, chảy về phía Đông đến xã Tường Xá hợp với sông Lam*”<sup>(1)</sup>.

Sông Lam có mức độ lũ lụt cao. Phía hữu ngạn của sông còn nhận thêm nước từ mái đòng Trường Sơn, qua dòng sông La (Hà Tĩnh) đổ vào, vì vậy lưu lượng nước sông càng lớn.

\* *Viện Sử học*

Cũng như các sông trong hệ thống sông miền Trung, sông Lam không hề chảy qua các khu vực trung lưu chuyển tiếp mà qua vùng đồi núi và đổ trực tiếp ra biển Đông. Sự phân chia mùa lũ và mùa cạn ở sông Lam khá rõ rệt. Mùa lũ thường xảy ra từ tháng 8, 9 đến tháng 11, 12. Lũ lên nhanh, có thể gây ngập lụt diện rộng. Hàng năm, lũ sông Lam thực sự là mối đe dọa đối với sản xuất nông nghiệp và đời sống của dân Nghệ An.

Đồng bằng sông Cả ở Nghệ An khá phức tạp, bị đồi núi chia cắt, địa hình tạo thành hai vùng trũng và cao rõ rệt. Châu thổ từ Hà Tĩnh trở vào Nam thì địa hình càng hẹp hơn. Đồng bằng sông Cả được hình thành trên nền đá gốc cũ mài mòn, mặt đất dốc, do vậy lũ lụt lên xuống ở vùng này rất nhanh. Đây là điểm khác biệt giữa đồng bằng miền Trung và miền Bắc. Đề cập đến điều này, Đỗ Đức Hùng cho rằng: “Đồng bằng ven biển miền Trung có nét đặc thù của địa hình và khí hậu khắc nghiệt, ít mưa, lại bị ảnh hưởng gió Lào nên nạn thiếu nước là chủ yếu. Vấn đề đặt ra cho đồng bằng Bắc bộ là đắp đê ngăn lũ, đào sông tiêu úng [...] thì ở miền Trung công việc chính lại là đào sông và kênh dẫn nước, đắp đập giữ nước để tưới tiêu vào mùa khô”<sup>(2)</sup>.

Nghệ An có khá nhiều bão, thường là hai năm một lần và đổ bộ vào các tháng 6 cho đến tháng 10. Theo ghi chép trong *Đại Việt sử ký toàn thư*<sup>(3)</sup>, các trận lụt thường xảy ra vào các tháng 5, 6, 7, 8, thậm chí là tháng 9, 10 Âm lịch. Do sự ảnh hưởng của gió Tây Nam khô nóng (gió Lào) khiến xuất hiện mưa sớm, tạo

nên lũ tiểu mãn vào đầu mùa hè, lại thêm đồng bằng ven biển bị chia cắt thành nhiều đoạn ngắn bởi những dãy núi ngang nhô sát ra biển do vậy mà lũ lụt tập trung rất mạnh ở vùng này<sup>(4)</sup>. Đó là lý do lý giải vì sao mưa, bão, lụt lại xảy ra ở vùng này nhiều hơn các vùng khác trong cả nước.

## 2. Tình hình bão, lụt ở Nghệ An từ năm 1802 đến năm 1884

Trong khoảng thời gian từ năm 1802 đến năm 1884, đa số các trận bão, lụt ở Nghệ An thường xuất hiện vào tháng 7, 8 hàng năm, có khi sớm hơn vào tháng 2 hoặc tháng 5 trong năm. Sử không chép rõ nguồn gốc cụ thể của các cơn bão này, nhưng cho biết về mức độ thiệt hại mà nó gây ra. Ví như các năm 1825, 1868, đều xảy ra bão và mưa lụt gây đắm thuyền, đổ nhà<sup>(5)</sup>. Các cơn bão thời Thiệu Trị và Tự Đức đã gây tổn thất nghiêm trọng về người và của. Sách *Đại Nam thực lục* chép về cơn bão năm 1842 như sau: “Nghệ An có bão lớn (bão nổi từ canh 2 đêm, đến sáng rõ mới dứt). Nước biển dâng lên quá mức thường 13-14 thước. Có 40.753 hộ nhà cửa bị đổ nát, 696 chiếc thuyền buôn và thuyền đánh cá bị chìm đắm, 5.240 người dân bị chết bẹp hoặc chết đuối. Đặc biệt là những dân ven biển ở các hạt Đông Thành, An Thành và Chân Lộc càng bị hại nhiều hơn (hạt An Thành có thôn hơn 300 người, chỉ còn sống hơn 10 người)”<sup>(6)</sup>. Đặc biệt, dưới thời Tự Đức (1848-1883), trận bão to ở Nghệ An đã làm sập tường, dè chết 9 người, trong đó có 1 tú tài đang tham gia kỳ thi Hương<sup>(7)</sup> (Xin xem bảng 1).

**Bảng 1: Thống kê về bão, lụt ở Nghệ An từ năm 1802 đến năm 1884**

TT	Thời gian	Triều vua	Số lần/Năm	Mức độ	Nguồn tư liệu
1	2/1807	Gia Long (1802-1819)	1	Bão	<i>Đại Nam thực lục</i> (2007), I, Sđd, tr. 693.
2	5/1818		1	Nghệ An bị lụt	<i>Đại Nam thực lục</i> (2007), I, Sđd, tr. 969
3	1820	Minh Mệnh (1820-1840)	1	Nghệ An có bão	<i>Đại Nam thực lục</i> (2007), II, Sđd, tr. 86.

4	1825		1	Nghệ An có bão	<i>Đại Nam thực lục</i> (2007), II, Sdd, tr. 440
5	7/1841		1	Nghệ An bị gió bão	<i>Đại Nam thực lục</i> (2007), IV, Sdd, tr. 203
6	8/1842	Thiệu Trị (1841-1847)	1	Nghệ An có bão lớn (bão nổi từ canh 2 đêm, đến sáng rõ mới dứt). Nước biển dâng lên quá mức thường 13-14 thước	<i>Đại Nam thực lục</i> (2007), VI, Sdd, tr. 397
7	7/1861	Tự Đức (1848-1883)	1	Nghệ An bị gió bão	<i>Đại Nam thực lục</i> (2007), VII, Sdd, tr. 728
8	7/1867		1	Nghệ An bão to	<i>Đại Nam thực lục</i> (2007), VII, Sdd, tr. 1063
9	1868		1	Nghệ An bị mưa lụt	<i>Đại Nam thực lục</i> (2007), VII, Sdd, tr. 1130
<b>Tổng</b>			<b>9</b>		

(Nguồn: *Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, I, II, IV, VI, VII*, Nxb. Giáo dục, 2007)

Theo thống kê trên, đã có 9 lần xảy ra bão, lụt ở Nghệ An thời Nguyễn. Trong những lần bão lụt này, có thể thấy mức độ nghiêm trọng của nạn bão thời vua Thiệu Trị. Tác động của bão lụt đã thể hiện rõ trên đời sống người dân và trực tiếp nhất là sự thay đổi thất thường của giá lương thực. Sử nhà Nguyễn nhiều lần chép về sự gia tăng đột ngột của giá gạo. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến sự tăng nhanh của giá gạo, nhưng lũ lụt khiến mất mùa, đói kém cũng là một trong những yếu tố gây ảnh hưởng. Vào tháng 9 năm 1822, Nghệ An giá gạo đắt<sup>(8)</sup>, năm 1823, 1829 giá gạo đắt, đặc biệt đến năm 1837 thì “đắt vọt lên”<sup>(9)</sup>, năm 1854, 1856, 1862, Nghệ An gạo đắt, dân khó kiếm ăn<sup>(10)</sup> (Xin xem bảng 2).

Sự biến động giá gạo, gia tăng của giá gạo tập trung chủ yếu ở thời Minh Mệnh và Tự Đức. Bảng 2 cũng cho thấy sự gia tăng của giá gạo nhiều hơn, đột ngột dưới thời Tự Đức. Sự gia tăng của giá gạo là một trong những nguyên nhân dẫn đến nạn đói ở Nghệ An. Sử nhà Nguyễn còn chép về những năm người dân khó kiếm ăn: Năm 1816, Nghệ An bị đói, năm 1817, dân đói kém nên “thổ phỉ nhung nhúc nổi lên”<sup>(11)</sup>. Năm Minh Mệnh thứ tư, 1823, xảy ra nạn đói: “Trấn thần Nghệ An lại tấu báo, mùa màng khiếm thu dân đói khát, xin lượng phép cứu giúp”<sup>(12)</sup>; năm 1829, nhân dân phủ Trấn Ninh thiếu ăn<sup>(13)</sup>; 1833, phủ Trấn Tĩnh, Lạc Biên bị đói<sup>(14)</sup>; tháng 1 năm 1879, giá gạo cao vọt lên, lương ăn của dân túng thiếu<sup>(15)</sup>.

**Bảng 2: Thống kê về sự gia tăng giá gạo ở Nghệ An thời Nguyễn (1802-1884)**

TT	Thời gian/ triều vua	Số lần/năm	Nội dung	Nguồn tư liệu
	Gia Long (1802 - 1819)		Không chép rõ	
	Minh Mệnh (1820-1840)			
1	9/1822	1	Trấn Nghệ An gạo đắt	<i>Đại Nam thực lục</i> (2007), II, Sdd, tr. 238
2	1823	1	Giá gạo còn cao	<i>Đại Nam thực lục</i> (2007), II, Sdd, tr. 258

		1	Giá gạo lên cao	<i>Đại Nam thực lục</i> (2007), II, Sdd, tr.280
		1	Nghệ An gạo đắt	<i>Đại Nam thực lục</i> (2007), II, sdd, tr.318
3	1829	1	Phủ Trấn Ninh (Nghệ An) gạo kém, nhân dân thiếu ăn	<i>Đại Nam thực lục</i> (2007), II, Sdd, tr. 867
4	12/1837	1	Giá gạo ở Nghệ An đắt vọt lên	<i>Đại Nam thực lục</i> (2007), IV, Sdd, tr. 234
	Thiệu Trị (1841-1847)			
5	1847	1	Tỉnh Nghệ An giá gạo đắt	<i>Đại Nam thực lục</i> (2007), V, Sdd, tr. 963
	Tự Đức (1848-1883)			
6	1854	1	Nghệ An dân khó kiếm gạo ăn	<i>Đại Nam thực lục</i> (2007), VII, Sdd, tr. 322
7	1857	1	Nghệ An gạo đắt	<i>Đại Nam thực lục</i> (2007), VII, Sdd, tr. 520
8	1879	1	Nghệ An giá gạo cao vọt lên	<i>Đại Nam thực lục</i> (2007), VIII, Sdd, tr. 329.
Tổng		9		

(Nguồn: *Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, I, II, IV, V, VII, VIII, Nxb. Giáo dục, 2007*)

Nạn đói khổ dẫn đến trộm cướp là một thực trạng đã xảy ra dưới thời Nguyễn. Ghi chép về sự kiện năm 1824 như sau: “Lúc ấy dân Nghệ An đói khổ trộm cướp nổi lên. Vua nghe tin bèn dụ trách Trấn thần rằng: “Hạt các ngươi ruộng nương bị tổn thương, nhiều trộm cướp, giặc giã nổi dậy, lũ người là người chần dốt dân, mà gần đây không hề mở miệng, không biết bụng dạ các ngươi thế nào?”. Và vua Minh Mệnh đã chuẩn cấp cho dân trong năm này: “Lại mấy năm liên dân Nghệ An đói kém lâm cảnh điêu linh, nhà vua truyền cho các địa phương phát chẩn, không kể trai, gái, già, trẻ đều được cấp cả”<sup>(16)</sup>.

Để khắc phục thực trạng bão, lụt và đói kém nêu trên, triều đình nhà Nguyễn đã có những biện pháp kịp thời. Các biện pháp cụ thể của nhà nước là chuẩn cấp, miễn giảm tô thuế, tu sửa đê điều và cầu đảo.

### 3. Biện pháp khắc phục của triều Nguyễn

*Thực hiện chuẩn cấp và miễn giảm tô, thuế*

Dưới thời Nguyễn, nhà nước thành lập các kho Xả thương và Thường bình để chuẩn cấp cho dân mỗi khi có thiên tai. Năm Quý Hợi (1803), dân Nghệ An bị nạn đói, vua Gia Long đã xuống chiếu phát chẩn: “Trấn các người, năm nay lại mất mùa, mặt dân xanh như rau cải, lòng trăm rất thương. Vậy phát gạo kho 35.000 phương gạo để chuẩn cấp”<sup>(17)</sup>.

Việc giảm xá thuế được vua Gia Long thực hiện nhiều lần trong thời trị vì của mình. Sử chép: “Năm 1803, ở Nghệ An, mùa màng bị thất thu, quan trấn tỉnh tâu xin hoãn thu 5/10 thuế biệt nạp năm 1803<sup>(18)</sup>. Tháng 7 năm 1806, triều Nguyễn tha tô thuế cho dân xiêu dạt từ Nghệ An trở ra Bắc<sup>(19)</sup>. Năm 1817 và 1818, triều Nguyễn tiếp tục xá thuế cho Nghệ An. Đặc biệt năm 1818, do trận lụt vào tháng 5 đã khiến tổn hại lúa chiêm nên triều đình lại xá thuế: “Dân bị đau khổ chồng chất mãi, trăm nghĩ rất thương. Vậy thuế ruộng vụ hạ năm nay cho giảm 3 phần 10”<sup>(20)</sup>.



Năm 1823, Trấn thần Nghệ An tâu nói mất mùa, dân đói, thuế ruộng thiếu, xin lượng cứu chữa, vì vậy vua Minh Mệnh đã ra dụ bộ Hộ: “Xứ ấy đất xấu dân nghèo, thường gặp mất mùa. Thóc thuế vụ hạn đã từng lượng cho chiết nạp bằng tiền, lại còn nghĩ đến những nhà cùng khổ, khốn lâu chưa đỡ, trăm rất thương xót. Vậy giảm cho tiền thuế thân năm nay 5 phần 10; ai thiếu thì hoãn đến sang năm”. Đồng thời vì thấy Nghệ An giá gạo đắt nên đã sai phát thóc kho 40.000 hộc giảm bán ra<sup>(21)</sup>. Đáng chú ý là năm 1824, do ảnh hưởng của nạn lụt, Nghệ An đói, giặc cướp nổi lên. Sử còn chép rằng: “Dân đói không tâu lên, để dân đến nổi mặt xanh mình gầy”<sup>(22)</sup>, vì vậy triều đình tiếp tục xá thuế: “Tha giảm thuế ruộng vụ hạ bị tai cho Thanh Nghệ [...] huyện Đông Thành trấn Nghệ An cũng được miễn cả; các huyện Hương Sơn, Thanh Chương, Nam Đường giảm 6 phần 10; các huyện La Sơn, Thiên Lộc, Chân Lộc, Hưng Nguyên giảm 5 phần 10”<sup>(23)</sup>.

Đặc biệt, vào năm 1842, trận bão ở Nghệ An khiến nhà vua “Chưa xem hết tờ tâu bất giác đã sa nước mắt” và sau đó thị Bình khoa Chương ấn Cấp sự trung Trần Thiện ở Hà Nội

về, tâu rằng: “Đi đường qua đó, chính mắt thấy nhà cửa đổ nát nhiều, ván thuyền trôi giạt vào trong ruộng, xác người chết phơi ở bên đường. Tình hình rất thảm hại!”. [...] Chi tiền, gạo ở kho tỉnh ra, phân biệt từng hạng, chuẩn cấp ưu hậu. Tụ trung thôn, xã nào ở gần phủ Diễn Châu thì chi ngay tiền, gạo ở kho phủ, tải đến cấp phát, cốt mau chóng làm cho dân bớt đau khổ, không cần ấn định sự cấp phát. Lại, sau cơn bão lụt này, công trình tu bổ ở trong tỉnh chắc cũng không ít, nhưng nên cân nhắc việc nào nên hoãn, việc nào nên gấp, cần làm trước những việc của dân, nếu mọi việc cùng làm một lúc thì không khỏi có hại đến sự làm ăn của dân”<sup>(24)</sup>.

Tháng 3 năm 1846, vì gạo đắt nên vua sai phát thóc trong kho cho dân Nghệ An vay<sup>(25)</sup>. Thời Tự Đức, năm 1864, dân Nghệ An bị đói, triều đình đã chuẩn cho phát ra 20.000 hộc thóc kho và khuyên quyền tiền thuế; tháng 9 cùng năm, giảm miễn và triển hạn thuế đình cho Nghệ An: “Hạng quần bách lấm, tha miễn cho 5 thành, còn 5 thành triển hạn đến vụ hạ năm sau mới nộp, hạng quần bách vừa, chia ra từng thành, hoãn đến các năm 18-19 mới chia thu”<sup>(26)</sup> (Xin xem bảng 3).

**Bảng 3: Việc chuẩn cấp, giảm xá thuế của triều Nguyễn đối với Nghệ An**

TT	Thời gian/triệu vua	Số lần/năm	Nội dung	Nguồn tư liệu
	Gia Long (1802-1819)			
1	1816	1	Hoãn tô thuế và lấy 30.000 hộc thóc kho giảm giá bán ra	<i>Đại Nam thực lục</i> (2007), I, Sđd, tr. 939
2	10/1817	1	Giảm thuế mùa đông, Nghệ An giảm 1 phần 10	<i>Đại Nam thực lục</i> (2007), I, Sđd, tr. 959
3	5/1818	1	Giảm 3 phần 10 thuế ruộng vụ hạ	<i>Đại Nam thực lục</i> (2007), I, Sđd, tr. 969
	Minh Mệnh (1820-1840)			
4	9/1822	1	Phát 30.000 hộc thóc bán cho dân	<i>Đại Nam thực lục</i> (2007), II, Sđd, tr. 238

5	1823	1	Phát 30.000 hộ thóc, giảm giá bán cho dân hai phủ Hà Hoa, Diên Châu; Thuế ruộng vụ hạ của hạt Nghệ An đều cho nộp thay bằng tiền; Phát thóc kho 40.000 hộ giảm giá bán cho dân Nghệ An	<i>Đại Nam thực lục</i> (2007), II, Sđd, tr. 258, 280, 318
6	1824	1	Tha giảm thuế ruộng vụ hạ bị tai cho dân Nghệ An; Cho vay 6.000 hộ thóc giống để dân huyện Quỳnh Lưu và Đông Thành gieo mạ	<i>Đại Nam thực lục</i> (2007), II, Sđd, tr. 344
7	1825	1	Phát tiền gạo cấp cho Nghệ An bị bão, nhà đổ và những người chết đuối. Người chết đuối mỗi người cấp 3 quan tiền, thuyền bị đắm mỗi chiếc 2 quan tiền, 2 phương gạo, nhà đổ mỗi cái 1 quan tiền, 1 phương gạo	<i>Đại Nam thực lục</i> (2007), II, Sđd, tr. 440
8	1829	1	Tạm chi 1.500 hộ thóc cho dân phủ Trấn Ninh, Nghệ An	<i>Đại Nam thực lục</i> (2007), II, Sđd, tr. 867
9	1833	1	Phát 1.800 hộ thóc kho cho dân đời 2 phủ Trấn Tĩnh, Lạc Biên	<i>Đại Nam thực lục</i> (2007), III, Sđd, tr. 523
	Thiệu Trị (1841-1847)			
10	7/1841	1	Khám xét những nơi bị nạn bão, phân biệt chỗ nào bị thiệt hại nhiều hay ít để chấn cấp	<i>Đại Nam thực lục</i> (2007), IV, Sđd, tr. 203
11	8/1842	1	Sai Binh khoa Cấp sự trung Lê Văn Thành, Giám sát ngự sử đạo Định- Biên Đặng Kham đi đến Đông Thành, An Thành, Chân Lộc chấn cấp cho nạn dân	<i>Đại Nam thực lục</i> (2007), IV, Sđd, tr. 397-398
12	1847	1	Phát thóc kho 37.000 hộ vừa bán vừa cho dân vay	<i>Đại Nam thực lục</i> (2007), V, Sđd, tr. 963
	Tự Đức (1848-1883)			
13	1854	1	Hạ lệnh cho tỉnh thần phát thóc kho, giảm bớt giá bán cho dân	<i>Đại Nam thực lục</i> (2007), VII, Sđd, tr. 330
14	1857	1	Phát chẩn cho Nghệ An 10.000 hộ	<i>Đại Nam thực lục</i> (2007), VII, Sđd, tr. 520
15	7/1861		Nghệ An bị gió bão, sai tỉnh thần đem tiền gạo chiếu từng hạng cấp phát cho dân	<i>Đại Nam thực lục</i> (2007), VII, Sđd, tr. 728
15	1/1879	1	Trích thóc ở kho ra cho dân vay	<i>Đại Nam thực lục</i> (2007), VIII, Sđd, tr. 329.
Tổng		17		

(Nguồn: *Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, I, II, III, IV, V, VII, VIII*, Nxb. Giáo dục, 2007)

Theo thống kê trên, đã có 17 lần triều Nguyễn chấn cấp, cho vay, giảm và xá thuế cho người dân ở Nghệ An khi có thiên tai lũ lụt xảy ra. Đáng chú ý là những lần chấn cấp này thường được thực hiện ngay khi Nghệ An

xuất hiện lụt lội và nạn đói. Thời gian chấn cấp nhiều nhất là vào thời kỳ trị vì của vua Minh Mệnh. Như vậy, chấn cấp, giảm xá thuế là biện pháp đã thể hiện hiệu quả rõ rệt của triều đình nhà Nguyễn.



### *Tu sửa đê điều*

Thời Nguyễn, trách nhiệm canh đê cũng được ghi chép cụ thể trong bộ *Quốc triều hình luật*. Đặc biệt, dưới thời Minh Mệnh, ông đã ra quy định phạt đối với những người làm vỡ đê, nhất là quan lại và tổng lý sở tại: “Các đê sông mà bốn phận (làng xã) phải bồi đắp canh giữ, nếu vỡ một lần thì lý trưởng sở tại phải phạt 70 trượng, cai phó tổng kém 1 bậc. Đê vỡ hai năm liền thì không phân biệt chỗ cũ hay mới, lý trưởng bị phạt 100 trượng và bãi dịch, cai phó tổng kém một bậc. Những chỗ vỡ mà nếu trong vòng 10 ngày lấp kín được thì không kể đê công hay tư đều chịu tội đáng phải lưu mà giảm cho 2 bậc”<sup>(27)</sup>.

Tuy nhiên, đối với công việc xây dựng và quản lý đê điều, đặc biệt ở khu vực Bắc Thành, sự thiếu nhất quán trong việc giữ đê hay bỏ đê, cùng với việc thành lập Nha đê chính sau đó thì bỏ; sự phân chia các công trình trị thủy công và tư, cho phép các làng xã tự đắp đê, xây cống đã thấy tác hại đến sinh thái và bảo vệ đê điều nói chung. Về trị thủy, càng về cuối triều đại Nguyễn, nạn vỡ đê, ngập lụt càng phổ biến hơn. Miền Bắc đã xảy ra 16 lần vỡ đê trên diện rộng, điều này ảnh hưởng phần lớn đến đồng bằng Bắc bộ. Tuy nhiên, ngoài việc chấn cấp và giảm thuế cho người dân, chính sử không ghi chép nhiều về biện pháp của triều Nguyễn đối với vùng Nghệ An, do vậy,

rất khó để biết hiện trạng đê điều ở Nghệ An như thế nào.

### *Cầu đảo*

Dù đây không phải là biện pháp thực hiện phổ biến dưới triều Nguyễn, nhưng nhà vua đã vì dân thực hiện nghi lễ mật đảo nhằm cầu tạnh. Sử chép vào năm 1842, vua Thiệu Trị đã

tiến hành tự thân mật đảo. Vua đã ra dụ với các quan như sau: “Bữa nọ, vì bão lụt ở Nghệ An, trẫm thường ăn, ngủ không yên. [...] Trẫm ở trong cung sâu, bí mật cầu đảo, mong được yên tĩnh. Tối đến, gió im, mưa tạnh, bụng nghĩ mừng thầm, thực là nhờ sự thiêng liêng của Hoàng khảo ở trên cao đã ngầm phù hộ cho, kể sao cho xiết nổi kính nhớ, cảm động!”<sup>(28)</sup>.

### **4. Nhận xét**

Như vậy, nguyên nhân dẫn đến lụt lội ở Nghệ An là do vị trí địa lý, địa hình và yếu tố khí hậu ở vùng này. Trong đó yếu tố địa hình, cấu tạo của đồng bằng, sông ngòi, gió mùa có ảnh hưởng nhiều hơn cả đến sự xuất hiện của bão, lụt. Sự tác động của gió Tây Nam (gió Lào) tạo ra mưa sớm và lũ tiểu mãn, đã khiến Nghệ An bị mưa lụt nhiều hơn các vùng khác.

Mưa bão, lụt ở Nghệ An thường xuất hiện vào các tháng 5,7,8 trong một năm. Mức độ thiệt hại của bão, lụt đã tác động đến đời sống của người dân, biểu hiện ở sự gia tăng của giá gạo, người dân đói kém và những cuộc nổi dậy. Thực trạng đói kém ở Nghệ An đã tác động không nhỏ đến tình hình xã hội Việt Nam dưới triều Nguyễn.

Thông qua việc chấn cấp, giảm miễn thuế cho dân Nghệ An, triều đình nhà Nguyễn đã thể hiện sự kịp thời, cần thiết và có hiệu quả trong các biện pháp khắc phục thiên tai lụt lội. Có thể khẳng định, mức độ giảm thuế và chấn

cấp cho Nghệ An được coi là thường xuyên dưới thời Nguyễn. Đây cũng chính là ưu điểm của chính sách xã hội thời Nguyễn thể hiện sự quan tâm sâu sắc của nhà nước đến đời sống của người dân vùng này. Dù mật đảo, cầu đảo chưa phải là biện pháp phổ biến và thường xuyên của triều đình, nhưng nghi lễ mang tính tâm linh dưới thời vua Thiệu Trị, đã thể hiện sự tôn trọng thần linh cũng như sự quan tâm của nhà nước đối với nhân dân, có tác dụng an tâm nhất định.□

---

### Chú thích

- (1). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập V, Nxb. Thuận Hóa Huế, 2006, tr. 311.
- (2). Đỗ Đức Hùng, *Vấn đề trị thủy ở Đồng bằng Bắc bộ dưới thời Nguyễn thế kỷ XIX*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1997, tr. 83.
- (3). *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập I, II, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993.
- (4). Đỗ Bang (Chủ biên), *Lũ lụt ở các tỉnh miền Trung trong hai thế kỷ XIX-XX*, Nxb. Đà Nẵng, 2002, tr. 230.
- (5). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, tập II*, Nxb. Giáo dục, 2007, tr. 440.
- (6). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, tập VI*, Nxb. Giáo dục, 2007, tr. 397.
- (7). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, tập VII*, Nxb. Giáo dục, 2007, tr. 1063.
- (8). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, tập II*, Nxb. Giáo dục, 2007, tr. 238.
- (9). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, tập IV*, Nxb. Giáo dục, 2007, tr. 234.
- (10). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, tập VII*, Nxb. Giáo dục, 2007, tr. 520.
- (11). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, tập I*, Nxb. Giáo dục, 2007, tr. 960.
- (12). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Minh Mệnh chính yếu*, Nxb. Thuận Hóa, 2009, tr. 233.
- (13). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, tập II*, Nxb. Giáo dục, 2007, tr. 829.
- (14). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, tập III*, Nxb. Giáo dục, 2007, tr. 523.
- (15). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, tập VIII*, Nxb. Giáo dục, 2007, tr. 329.
- (16). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Minh Mệnh chính yếu*, Nxb. Thuận Hóa, 2009, tr. 236.
- (17). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, tập I*, Nxb. Giáo dục, 2007, tr. 569.
- (18). *Đại Nam thực lục*, Sdd, tập I, tr. 569.
- (19). *Đại Nam thực lục*, Sdd, tập I, tr. 680.
- (20). *Đại Nam thực lục*, Sdd, tập I, tr. 969.
- (21). *Đại Nam thực lục*, Sdd, tập II, tr. 296.
- (22). *Đại Nam thực lục*, Sdd, tập II, tr. 332, 339.
- (23). *Đại Nam thực lục*, Sdd, tập II, tr. 344.
- (24). *Đại Nam thực lục*, Sdd, tập VI, tr. 397.
- (25). *Đại Nam thực lục*, Sdd, tập VI, tr. 842.
- (26). *Đại Nam thực lục*, Sdd, tập VII, tr. 846, 870.
- (27). *Đại Nam thực lục*, Sdd, tập II, tr. 921.
- (28). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, tập IV*, Nxb. Giáo dục, 2007, tr. 401.

### Tài liệu tham khảo

1. Đỗ Bang (Chủ biên), *Lũ lụt ở các tỉnh miền Trung trong hai thế kỷ XIX-XX*, Nxb. Đà Nẵng, 2002.
2. *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập I, II, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993.
3. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập V, Nxb. Thuận Hóa Huế, 2006.
4. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục, tập I-VIII*, Nxb. Giáo dục, 2007.
5. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Minh Mệnh chính yếu*, Nxb. Thuận Hóa, 2009.